TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **205**/2019/QĐ-HCPT	*Đà Nẵng, ngày 04 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Đặng Kim Nhân.

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự, ông Nguyễn Xuân Điền

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 30/2019/QĐST-HC ngày 28/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu H;

Địa chỉ: TDP3, phường K, TP B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thế C và bà Hồ Thị Xuân M;

3.2. Chị Lê Thị Hồng S, sinh năm 1986;

Ông C, bà M, chị S cùng địa chỉ: Tổ 8, khối 3, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Tại ***Đơn kháng cáo*** đề ngày 03/9/2019, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo không đồng ý việc Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đình chỉ giải quyết vụ án hành chính với lý do tháng 6/2012 bà H nhận được Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B, nhưng ngày 12/6/2019 bà H mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện, vì năm 2018 bà H khiếu nại Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B. Ngày 31/10/2018 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 3760/UBND-TNMT yêu cầu bà H thực hiện Quyết định số 2172/QĐ-UBND, nếu không bà H có quyền khiếu nại lên UBND tỉnh Đắk Lắk hoặc khởi kiện ra Tòa án nhân dân để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

XÉT THẤY:

[1]. Tại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số A0 762509 ngày 02/3/2009, Ủy ban nhân dân thành phố B công nhận ông Nguyễn Thế C, bà Hồ Thị Xuân M được quyền sử dụng thửa đất số 57, tờ bản đồ 83, phường K, thành phố B, diện tích

3.200,8m^2 (gồm 300m^2 đất sử dụng lâu dài và 2.900,8m^2 đất trồng cây sử dụng đến năm 2043). Bà H cho rằng diện tích đất trên là di sản thừa kế của cha mẹ để lại, nhưng vợ chồng ông C (anh trai bà H) kê khai gian dối xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có Đơn khiếu nại yêu cầu UBND thành phố B thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số A0 762509 đã cấp cho vợ chồng ông C; trong khi đó, ông C không đồng ý khiếu nại của bà H vì cho rằng thửa đất này ông C đã được cha mẹ tặng cho hợp pháp. Tại Quyết định *(V/v giải quyết đơn khiếu nại của bà H)* số 2127/QĐ-UBND ngày 25/6/2012, Ủy ban nhân dân thành phố B xác định trình tự, thủ tục cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số A0 762509 ngày 02/3/2009 cho ông C, bà M là đúng quy định của pháp luật nên bác đơn khiếu nại của bà H và tuyên bố *"Đây là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định, nếu bà H không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại đến UBND tỉnh Đắk Lắk hoặc khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố B để được xem xét, giải quyết"*.

[2]. Bà H thừa nhận khoảng cuối tháng 6/2012 bà H đã nhận được Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B; tuy nhiên, bà H không khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk hoặc khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP B như quyền của bà H đã được nêu tại Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B. Năm 2018 bà H khiếu nại Quyết định số 2172/QĐ-UBND nên tại Công văn số 3760/UBND-TNMT ngày 31/10/2018 Ủy ban nhân dân thành phố B trả lời bà H với các nội dung: Yêu cầu bà H thực hiện Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B; nếu không thì bà H có quyền khiếu nại đến UBND tỉnh Đắk Lắk hoặc khởi kiện ra Tòa án nhân dân để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 12/6/2019, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết hủy Quyết định cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số A0 762509 của UBND thành phố B cấp ngày 02/3/2009 cho ông C, bà M.

[3]. Xét, đối tượng trực tiếp bà H khởi kiện vụ án hành chính là yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số A0 762509 của UBND thành phố B ngày 02/3/2009 cho ông C, bà M và gián tiếp yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2172/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B; còn nội dung Công văn số 3760/UBND-TNMT ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố B chỉ yêu cầu bà H thực hiện Quyết định số 2172/QĐ-UBND, nếu không có quyền khiếu nại lên UBND tỉnh Đắk Lắk hoặc khởi kiện ra Tòa án để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền; bà H chọn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố B. Tòa án nhân dân thành phố B sau khi thụ lý vụ án, xác định bà H khởi kiện khi đã hết thời hiệu khởi kiện (01 năm quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015) nên căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính 2015 đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật; do đó, cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà H. Bà H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 243 Luật Tố tụng hành chính 2015, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 30/2019/QĐST-HC ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính 2015:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 52/2019/TLST-HC ngày 04/7/2019 về *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* giữa các đương sự (đã ghi ở phần đầu của quyết định nên không ghi lại).

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 144 của Luật tố tụng hành chính thì bà H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002511 ngày 27/6/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

II/ Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004055 ngày 06/9/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thì bà H đã nộp xong khoản tiền này.

III/ Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định**.**

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân